HỎI ĐÁP VỀ LUẬT BÌNH ĐẲNG GIỚI

**Câu hỏi 1 : “Giới”,“Bình đẳng giới`”,“Định kiến giới”,“Phân biệt đối xử về giới” nghiã là gì?**

**Trả lời** : Khoản 1, 2, 3 điều 5 Luật Bình đẳng giới giải thích như sau:

1. *Giới* chỉ đặc điểm, vị trí, vai trò của nam và nữ trong tất cả các mối quan hệ xã hội (khác với từ *Giới tính* chỉ các đặc điểm sinh học của nam, nữ).

2. *Bình đẳng giới* là việc nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó.

3. *Định kiến giới* là nhận thức, thái độ và đánh giá thiên lệch, tiêu cực về đặc điểm, vị trí, vai trò và năng lực của nam hoặc nữ.

4. *Phân biệt đối xử về giới* là việc hạn chế, loại trừ, không công nhận hoặc không coi trọng vai trò, vị trí của nam và nữ, gây bất bình đẳng giữa nam và nữ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình.

**Câu 2 : Luật BĐG được áp dụng với những đối tượng nào?**

**Trả lời** : Theo qui định tại điều 2 của Luật Bình đẳng giới, đối tượng áp dụng của Luật Bình đẳng giới gồm:

1- Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị – xã hội, tổ chức chính trị xã hội- nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân, gia đình và công dân Việt Nam (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân).

2- Cơ quan, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam, cá nhân nước ngoài cư trú tại Việt Nam.

**Câu 3 : Biện pháp thúc đẩy BĐG là gì?**

**Trả lời**:

Biện pháp thúc đẩy BĐG là biện pháp nhằm bảo đảm BĐG thực chất, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành trong trường hợp có sự chênh lệch lớn giữa nam và nữ về vị trí, vai trò, điều kiện, cơ hội phát huy năng lực và thụ hưởng thành quả của sự phát triển mà việc áp dụng các quy định như nhau giữa nam và nữ không làm giảm được sự chênh lệch này.

Biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới được thực hiện trong một thời gian nhất định và chấm dứt khi mục đích bình đẳng giới đã đạt được.

Biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới không bị coi là phân biệt đối xử.

Các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới bao gồm (Điều 19):

a) Quy định tỷ lệ nam, nữ hoặc bảo đảm tỷ lệ nữ thích đáng tham gia, thụ hưởng;

b) Đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ năng lực cho nữ hoặc nam;

c) Hỗ trợ để tạo điều kiện, cơ hội cho nữ hoặc nam;

d) Quy định tiêu chuẩn, điều kiện đặc thù cho nữ hoặc nam;

đ) Quy định nữ được quyền lựa chọn trong trường hợp nữ có đủ điều kiện, tiêu chuẩn như nam;

e) Quy định việc ưu tiên nữ trong trường hợp nữ có đủ điều kiện, tiêu chuẩn như nam;

Ngoài ra, Luật cũng quy định cụ thể một số biện pháp thúc đẩy BĐG trong các lĩnh vực chính trị (khoản 5 Điều 11), kinh tế (khoản 2 Điều 12), lao động (khoản 3 Điều 13), giáo dục và đào tạo (khoản 5 Điều 14).

**Câu 4 : Bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị được quy định như thế nào?**

**Trả lời :**

Điều 11 quy định bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị như sau:

1- Nam, nữ bình đẳng trong tham gia quản lý nhà nước, tham gia họat động xã hội.

2- Nam, nữ bình đẳng trong tham gia xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng hoặc quy định, quy chế của cơ quan, tổ chức.

3- Nam, nữ bình đẳng trong việc tự ứng cử và được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân; tự ứng cử và được giới thiệu ứng cử vào cơ quan lãnh đạo của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị–xã hội, tổ chức chính trị xã hội-nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội–nghề nghiệp.

4- Nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn chuyên môn, độ tuổi khi được đề bạt, bổ nhiệm vào cùng vị trí quản lý, lãnh đạo của cơ quan, tổ chức.

**Câu 5 : Những hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị là gì?**

**Trả lời**:   Khoản 1 Điều 40 quy định các hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị bao gồm:

a) Cản trở việc nam hoặc nữ tự ứng cử, được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, vào cơ quan lãnh đạo của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị ? xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội ? nghề nghiệp vì định kiến giới;

b) Không thực hiện hoặc cản trở việc bổ nhiệm nam, nữ vào cương vị quản lý, lãnh đạo hoặc các chức danh chuyên môn vì định kiến giới;

c) Đặt ra và thực hiện quy định có sự phân biệt đối xử về giới trong các hương ước, quy ước của cộng đồng hoặc trong quy định, quy chế của cơ quan, tổ chức.

Người nào có hành vi vi phạm pháp luật trên thì tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luậtvề bình đẳng giới mà gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật (Điều 42).

**Câu 6 : Bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế được quy định như thế nào?**

**Trả lời**:   Luật quy định BĐG trong lĩnh vực kinh tế như sau (Điều 12):

Nam, nữ bình đẳng trong việc thành lập doanh nghiệp, tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản lý doanh nghiệp, bình đẳng trong việc tiếp cận thông tin, nguồn vốn, thị trường và nguồn lao động.

**Câu 7 : Các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế là gì?**

**Trả lời**: Các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế bao gồm (Khoản 2, Điều 12):

a) Doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ được ưu đãi về thuế và tài chính theo quy định của pháp luật;

b) Lao động nữ khu vực nông thôn được hỗ trợ tín dụng, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư theo quy định của pháp luật.

**Câu 8 : Những hành vi nào là hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế ?**

**Trả lời**: Các hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế bao gồm (khoản 2, Điều 40):

a) Cản trở nam hoặc nữ thành lập doanh nghiệp, tiến hành hoạt động kinh doanh vì định kiến giới;

b) Tiến hành quảng cáo thương mại gây bất lợi cho các chủ doanh nghiệp, thương nhân của một giới nhất định.

Người nào có hành vi vi phạm pháp luật trên thì tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luậtvề bình đẳng giới mà gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật (Điều 42).

**Câu 9: Bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động được quy định như thế nào?**

**Trả lời**: Điều 13 quy định bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động như sau:

1. Nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn, độ tuổi khi tuyển dụng, được đối xử bình đẳng tại nơi làm việc về việc làm, tiền công, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, điều kiện lao động và các điều kiện làm việc khác.

2. Nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn, độ tuổi khi được đề bạt, bổ nhiệm giữ các chức danh trong các ngành, nghề có tiêu chuẩn chức danh.

**Câu 10: Các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động là gì?**

**Trả lời**: Các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động bao gồm (Khoản 3, Điều 13):

a) Quy định tỷ lệ nam, nữ được tuyển dụng lao động;

b) Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho lao động nữ;

c) Người sử dụng lao động tạo điều kiện vệ sinh an toàn lao động cho lao động nữ làm việc trong một số ngành, nghề nặng nhọc, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với các chất độc hại.

**Câu 11: Những hành vi nào là hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động?**

**Trả lời**:   Khoản 3 Điều 40 quy định các hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động bao gồm:

a) Áp dụng các điều kiện khác nhau trong tuyển dụng lao động nam và lao động nữ đối với cùng một công việc mà nam, nữ đều có trình độ và khả năng thực hiện như nhau, trừ trường hợp áp dụng biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới;

b) Từ chối tuyển dụng hoặc tuyển dụng hạn chế lao động, sa thải hoặc cho thôi việc người lao động vì lý do giới tính hoặc do việc mang thai, sinh con, nuôi con nhỏ;

c) Phân công công việc mang tính phân biệt đối xử giữa nam và nữ dẫn đến chênh lệch về thu nhập hoặc áp dụng mức trả lương khác nhau cho những người lao động có cùng trình độ, năng lực vì lý do giới tính;

d) Không thực hiện các quy định của pháp luật lao động quy định riêng đối với lao động nữ.

Người nào có hành vi vi phạm pháp luật trên thì tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luậtvề bình đẳng giới mà gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật (Điều 42).

**Câu 12 : Những hành vi nào là vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo?**

**Trả lời**: Khoản 4 Điều 40 quy định vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo bao gồm:

a) Quy định tuổi đào tạo, tuổi tuyển sinh khác nhau giữa nam và nữ;

b) Vận động hoặc ép buộc người khác nghỉ học vì lý do giới tính;

c) Từ chối tuyển sinh những người có đủ điều kiện vào các khóa đào tạo, bồi dưỡng vì lý do giới tính hoặc do việc mang thai, sinh con, nuôi con nhỏ;

d) Giáo dục hướng nghiệp, biên soạn và phổ biến sách giáo khoa có định kiến giới.

Người nào có hành vi vi phạm pháp luật trên thì tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luậtvề bình đẳng giới mà gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật (Điều 42).

**Câu 13: Bình đẳng giới trong lĩnh vực gia đình được quy định như thế nào?**

**Trả lời**: Điều 18 quy định BĐG trong lĩnh vực gia đình như sau:

1. Vợ, chồng bình đẳng với nhau trong quan hệ dân sự và các quan hệ khác liên quan đến hôn nhân và gia đình.

2. Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ ngang nhau trong sở hữu tài sản chung, bình đẳng trong sử dụng nguồn thu nhập chung của vợ chồng và quyết định các nguồn lực trong gia đình.

3. Vợ, chồng bình đẳng với nhau trong việc bàn bạc, quyết định lựa chọn và sử dụng biện pháp kế hoạch hoá gia đình phù hợp; sử dụng thời gian nghỉ chăm sóc con ốm theo quy định của pháp luật.

4. Con trai, con gái được gia đình chăm sóc, giáo dục và tạo điều kiện như nhau để học tập, lao động, vui chơi, giải trí và phát triển.

5. Các thành viên nam, nữ trong gia đình có trách nhiệm chia sẻ công việc gia đình.

**Câu 14: Những hành vi nào là hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực gia đình?**

**Trả lời**: Điều 41 quy định các hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong gia đình, bao gồm:

1. Cản trở thành viên trong gia đình có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật tham gia định đoạt tài sản thuộc sở hữu chung của hộ gia đình vì lý do giới tính.

2. Không cho phép hoặc cản trở thành viên trong gia đình tham gia ý kiến vào việc sử dụng tài sản chung của gia đình, thực hiện các hoạt động tạo thu nhập hoặc đáp ứng các nhu cầu khác của gia đình vì định kiến giới.

3. Đối xử bất bình đẳng với các thành viên trong gia đình vì lý do giới tính.

4. Hạn chế việc đi học hoặc ép buộc thành viên trong gia đình bỏ học vì lý do giới tính.

5. Áp đặt việc thực hiện lao động gia đình, thực hiện biện pháp tránh thai, triệt sản như là trách nhiệm của thành viên thuộc một giới nhất định.

Người nào có hành vi vi phạm pháp luật trên thì tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luậtvề bình đẳng giới mà gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật (Điều 42).